TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 367 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh
2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 528/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị U, sinh năm: 1993; Địa chỉ: 46 Nguyễn Thị Thạo, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Số 36, đường Trần Thị Nị, tổ 8, ấp V, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.*(có mặt)*

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Số 46, đường Nguyễn Thị Thạo, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.*(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 23/11/2020 và bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Đinh Thị U trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện sống chung từ năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 40/2013 quyển số 01, cấp ngày 01/04/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống thuận hòa, hạnh phúc. Tuy nhiên càng về sau thì vợ chồng càng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trong việc nuôi dạy con cái, ông T không còn quan tâm, chăm sóc gia đình như trước. Bà cùng gia đình đã nhiều lần cố gắng hàn gắn quan

hệ vợ chồng nhưng không thành, mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Bà xác định có 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày: 17/10/2013. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 01 con chung và không yêu cầu ông T cấp.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Bị đơn đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn ngày 23/11/2020, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có nơi cư trú tại: Số 46, đường Nguyễn Thị Thạo, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Bà Đinh Thị U và Ông Nguyễn Văn T tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 40/2013 quyển số 01, ngày 01/04/2013, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn xin ly hôn, Nguyên đơn cho rằng trong quá trình sống chung cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, ông T thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm sóc gia đình. Bà đã nhiều lần hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không thành. Bà và ông T không thể sống chung được nữa và nhận thấy không còn tình cảm với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T. Tòa án nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, thể hiện bị đơn không mong muốn đoàn tụ, đồng thời bà U xác định hiện bà và T không còn sống chung. Do vậy, Tòa án không có cơ sở để hòa giải đoàn tụ theo quy định. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đinh Thị U và ông Nguyễn Văn T là có xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Về nuôi con chung: Nguyên đơn xác định trong quá trình sống chung, bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày: 17/10/2013. Tại đơn xin ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy tại Bản tự khai ngày 25/5/2021 của cháu Thành Đ thể hiện cháu đang sống chung với bà U và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà U. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con chung mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Do vậy để ổn định tâm sinh lý cho trẻ, Hội đồng xét xử giao trẻ Thành Đ cho bà U tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, tại đơn xin ly hôn và tại phiên tòa, bà U không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là sự tự nguyện của bà U, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, nếu có tranh chấp về nuôi con chung, về chia tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật phí, lệ phí tòa án số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đinh Thị U.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Đinh Thị U và ông Nguyễn Văn T.

(Quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thị U và ông Nguyễn Văn T được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 40/2013 quyển số 01, ngày 01/04/2013 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp)

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày: 17/10/2013 cho bà Đinh Thị U trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc bà Đinh Thị U phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/0086184 ngày 10 tháng 5 năm 2021 **c**ủa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà U đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
-UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thơ